**Bảng lộ trình tuổi nghỉ hưu theo tháng, năm sinh tương ứng của người lao động cập nhật năm 2024?**

Nội dung chính

* [**Tuổi nghỉ hưu của người lao động được quy định như thế nào?**](https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A1FE0-hd-bang-lo-trinh-tuoi-nghi-huu-theo-thang-nam-sinh-tuong-ung-cua-nguoi-lao-dong-cap-nhat-nam-2024.html#tuoi-nghi-huu-cua-nguoi-lao-dong-duoc-quy-dinh-nhu-the-nao-0)
* [**Bảng lộ trình tuổi nghỉ hưu theo tháng, năm sinh tương ứng cập nhật năm 2024?**](https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A1FE0-hd-bang-lo-trinh-tuoi-nghi-huu-theo-thang-nam-sinh-tuong-ung-cua-nguoi-lao-dong-cap-nhat-nam-2024.html#bang-lo-trinh-tuoi-nghi-huu-theo-thang-nam-sinh-tuong-ung-cap-nhat-nam-2024-1)
* [**Thời điểm nghỉ hưu của người lao động được xác định như thế nào?**](https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A1FE0-hd-bang-lo-trinh-tuoi-nghi-huu-theo-thang-nam-sinh-tuong-ung-cua-nguoi-lao-dong-cap-nhat-nam-2024.html#thoi-diem-nghi-huu-cua-nguoi-lao-dong-duoc-xac-dinh-nhu-the-nao-2)

**Tuổi nghỉ hưu của người lao động được quy định như thế nào?**

Tại Điều 169 [Bộ luật Lao động 2019](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=c=pNek5qY3TX&mode=s9dsbGRWOHhOamWk) có quy định về tuổi nghỉ hưu như sau:

**(1)** Người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi đủ tuổi nghỉ hưu.

**(2)** Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.

Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

**(3)** Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại (2) tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**(4)**Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại (2) tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Bảng lộ trình tuổi nghỉ hưu theo tháng, năm sinh tương ứng cập nhật năm 2024?**

Căn cứ tuổi nghỉ hưu của người lao động được quy định tại [Bộ luật Lao động 2019](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=c=pNek5qY3TX&mode=s9dsbGRWOHhOamWk) và [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=k=RRMU5URXTk&mode===JoMWIyNW5YM0JzWHpFPQWT), người lao động có thể tham khảo Bảng lộ trình tuổi nghỉ hưu theo tháng, năm sinh tương ứng cập nhật năm 2024:

**1. Tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường (không về hưu sớm, không kéo dài tuổi nghỉ hưu):**

**\* Lao động nam:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm đủ tuổi nghỉ hưu** | **Tuổi nghỉ hưu** | **Năm sinh** |
| 2024  (5/2024-1/2025) | 61 tuổi | Từ tháng 4/1963 đến tháng 12/1963 |
| 2025  (5/2025-1/2026) | 61 tuổi 3 tháng | Từ tháng 01/1964 đến tháng 9/1964 |
| 2026  (5/2026-1/2027) | 61 tuổi 6 tháng | Từ tháng 10/1964 đến tháng 6/1965 |
| 2027  (5/2027-1/2028) | 61 tuổi 9 tháng | Từ tháng 7/1965 đến tháng 3/1966 |
| 2028 (Tháng liền kề sau tháng NLĐ đủ 62 tuổi) | 62 tuổi | Từ tháng 4/1966 trở đi |

**\* Lao động nữ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm đủ tuổi nghỉ hưu** | **Tuổi nghỉ hưu** | **Năm sinh** |
| 2024  (6/2024-1/2025) | 56 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1968 đến tháng 8/1968 |
| 2025  (6/2025-1/2026) | 56 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1968 đến tháng 5/1969 |
| 2026  (6/2026-1/2027) | 57 tuổi | Từ tháng 6/1969 đến tháng 12/1969 |
| 2027  (6/2027-1/2028) | 57 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1970 đến tháng 8/1970 |
| 2028  (6/2028-1/2029) | 57 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1970 đến tháng 4/1971 |
| 2029  (6/2029-1/2030) | 58 tuổi | Từ tháng 5/1971 đến tháng 12/1971 |
| 2030  (6/2030-1/2031) | 58 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1972 đến tháng 8/1972 |
| 2031  (6/2031-1/2032) | 58 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1972 đến tháng 4/1973 |
| 2032  (6/2032-1/2033) | 59 tuổi | Từ tháng 5/1973 đến tháng 12/1973 |
| 2033  (6/2033-1/2034) | 59 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1974 đến tháng 8/1974 |
| 2034  (6/2034-1/2035) | 59 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1974 đến tháng 4/1975 |
| 2035 (Tháng liền kề sau tháng NLĐ đủ 60 tuổi) | 60 tuổi | Từ tháng 5/1975 trở đi |

**2. Tuổi nghỉ hưu trường hợp về hưu sớm năm 2024**

**\* Lao động nam:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm đủ tuổi nghỉ hưu thấp hơn** | **Tuổi nghỉ hưu thấp hơn** | **Năm sinh** |
| 2024  (5/2024-1/2025) | 56 tuổi | Từ tháng 4/1968 đến tháng 12/1968 |
| 2025  (5/2025-1/2026) | 56 tuổi 3 tháng | Từ tháng 01/1969 đến tháng 9/1969 |
| 2026  (5/2026-1/2027) | 56 tuổi 6 tháng | Từ tháng 10/1969 đến tháng 6/1970 |
| 2027  (5/2027-1/2028) | 56 tuổi 9 tháng | Từ tháng 7/1970 đến tháng 3/1971 |
| 2028 (Tháng liền kề sau tháng NLĐ đủ 62 tuổi) | 57 tuổi | Từ tháng 4/1971 trở đi |

**\* Lao động nữ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm đủ tuổi nghỉ hưu thấp hơn** | **Tuổi nghỉ hưu thấp hơn** | **Năm sinh** |
| 2024  (6/2024-1/2025) | 51 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1973 đến tháng 8/1973 |
| 2025  (6/2025-1/2026) | 51 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1973 đến tháng 5/1974 |
| 2026  (6/2026-1/2027) | 52 tuổi | Từ tháng 6/1974 đến tháng 12/1974 |
| 2027  (6/2027-1/2028) | 52 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1975 đến tháng 8/1975 |
| 2028  (6/2028-1/2029) | 52 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1975 đến tháng 4/1976 |
| 2029  (6/2029-1/2030) | 53 tuổi | Từ tháng 5/1976 đến tháng 12/1976 |
| 2030  (6/2030-1/2031) | 53 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1977 đến tháng 8/1977 |
| 2031  (6/2031-1/2032) | 53 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1977 đến tháng 4/1978 |
| 2032  (6/2032-1/2033) | 54 tuổi | Từ tháng 5/1978 đến tháng 12/1978 |
| 2033  (6/2033-1/2034) | 54 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1979 đến tháng 8/1979 |
| 2034  (6/2034-1/2035) | 54 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1979 đến tháng 4/1980 |
| 2035 (Tháng liền kề sau tháng NLĐ đủ 60 tuổi) | 55 tuổi | Từ tháng 5/1980 trở đi |

**3. Trường hợp kéo dài thời gian nghỉ hưu**

Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động 2019 tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**\* Lao động nam:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm tuổi nghỉ hưu** | **Tuổi nghỉ hưu không quá** | **Năm sinh** |
| 2024  (5/2024-1/2025) | 66 tuổi | Từ tháng 4/1963 đến tháng 12/1963 |
| 2025  (5/2025-1/2026) | 66 tuổi 3 tháng | Từ tháng 01/1964 đến tháng 9/1964 |
| 2026  (5/2026-1/2027) | 66 tuổi 6 tháng | Từ tháng 10/1964 đến tháng 6/1965 |
| 2027  (5/2027-1/2028) | 66 tuổi 9 tháng | Từ tháng 7/1965 đến tháng 3/1966 |
| 2028 (Tháng liền kề sau tháng NLĐ đủ 62 tuổi) | 67 tuổi | Từ tháng 4/1966 trở đi |

**\* Lao động nữ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm tuổi nghỉ hưu** | **Tuổi nghỉ hưu không quá** | **Năm sinh** |
| 2024  (6/2024-1/2025) | 61 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1968 đến tháng 8/1968 |
| 2025  (6/2025-1/2026) | 61 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1968 đến tháng 5/1969 |
| 2026  (6/2026-1/2027) | 62 tuổi | Từ tháng 6/1969 đến tháng 12/1969 |
| 2027  (6/2027-1/2028) | 62 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1970 đến tháng 8/1970 |
| 2028  (6/2028-1/2029) | 62 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1970 đến tháng 4/1971 |
| 2029  (6/2029-1/2030) | 63 tuổi | Từ tháng 5/1971 đến tháng 12/1971 |
| 2030  (6/2030-1/2031) | 63 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1972 đến tháng 8/1972 |
| 2031  (6/2031-1/2032) | 63 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1972 đến tháng 4/1973 |
| 2032  (6/2032-1/2033) | 64 tuổi | Từ tháng 5/1973 đến tháng 12/1973 |
| 2033  (6/2033-1/2034) | 64 tuổi 4 tháng | Từ tháng 01/1974 đến tháng 8/1974 |
| 2034  (6/2034-1/2035) | 64 tuổi 8 tháng | Từ tháng 9/1974 đến tháng 4/1975 |
| 2035 (Tháng liền kề sau tháng NLĐ đủ 60 tuổi) | 65 tuổi | Từ tháng 5/1975 trở đi |

**Thời điểm nghỉ hưu của người lao động được xác định như thế nào?**

Căn cứ Điều 3 [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=k=RRMU5URXTk&mode=o=dsbGRWOHWk) quy định thời điểm nghỉ hưu của người lao động là kết thúc ngày cuối cùng của tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

- Đối với trường hợp người lao động tiếp tục làm việc sau khi đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định thì thời điểm nghỉ hưu là thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động.

- Trường hợp hồ sơ của người lao động không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh để làm căn cứ xác định thời điểm nghỉ hưu và thời điểm hưởng chế độ hưu trí.

Nguồn: Thư viện pháp luật.